

Tứ Diệu Đế

Bốn chân lý cao quý

ĐỊNH NGHĨA

Cụm từ « chân lý cao quý » có nghĩa là gì? Tính từ « cao quý » hàm ý sự kết hợp mật thiết giữa cái đẹp, sự hoàn hảo và điều kỳ diệu. Danh từ « chân lý » chỉ thực tại chân thật, được xác lập rõ ràng và có tính vĩnh cửu.

Tứ Diệu Đế chỉ thực tại chân thật của thân phận con người. Bốn chân lý ấy là kỳ diệu vì, cùng lúc chỉ ra những mặt bi đát của thân phận ấy, chúng cũng nêu những phương cách để thoát khỏi. Đây là những nền tảng của triết học Phật giáo; thậm chí còn là nền tảng duy nhất của giáo lý Tiểu thừa, Theravāda.

Được Đức Như Lai trình bày giản dị và sáng rõ, bốn chân lý này rất dễ hiểu, ngay cả với người có khả năng trí tuệ hạn chế nhất, bởi khổ đau về thể xác hay tinh thần là điều mọi người đều biết, và việc tránh khổ, tìm hạnh phúc và niềm vui là hoàn toàn tự nhiên.

BỐN CHÂN LÝ KỲ DIỆU

Chân lý về khổ đau - Khổ đế.

Chân lý về các nguyên nhân của khổ đau - Tập đế.

Chân lý về sự chấm dứt khổ đau - Diệt đế.

Chân lý về con đường dẫn đến chấm dứt khổ đau - Đạo đế.

a. Khổ đau

Đây là trạng thái dễ nhận thấy nhất, thường gặp nhất và được biết đến nhiều nhất trong đời người. Một câu nói sâu sắc tóm lược toàn bộ tình trạng bất toại nguyện của kiếp người: « Sinh là khổ, già là khổ. » Suốt cuộc đời, khổ đau không ngừng biểu hiện dưới mọi hình thức; chỉ cần có dịp là nó xuất hiện qua một hành động hoặc một cảm xúc của con người.

Vì vậy, tình yêu trở thành khổ đau khi ta mất người thân yêu hoặc phải xa cách họ. Hận thù là khổ đau khi ta nghĩ đến việc làm hại kẻ thù. Ham muốn là khổ đau khi ta không đạt điều mong ước hoặc đánh mất điều mình quý trọng nhất.

b. Các nguyên nhân của khổ đau

Chân lý thứ hai nói về nguồn gốc của khổ đau, chính xác hơn là những nguyên nhân tạo nên đau khổ.

Có thể ví điều này với việc chẩn đoán của thầy thuốc: xác định mầm bệnh và dự đoán quá trình hoạt động của chúng.

c. Sự chấm dứt khổ đau

Đối lập với chân lý thứ nhất, sự chấm dứt khổ đau là bức tranh an lành về người bệnh khi đã khỏi hẳn. Nó cho thấy phần nào bản chất chân thật của tâm người, sau khi tâm đã loại bỏ mọi màn ảo tưởng cản trở và khiến mình đau khổ một cách không cần thiết.

d. Con đường dẫn đến chấm dứt khổ đau

Chân lý thứ tư bao gồm toàn bộ những phương tiện giúp tiêu trừ chính các nguyên nhân của khổ đau trước khi chúng biểu hiện. Đó là phương pháp trị liệu kỳ diệu, đem lại sự chữa lành dứt điểm cho mọi bệnh tật của thân và tâm.

Đó là con đường sáng ngời dẫn đến Niết bàn, một con đường đi dọc những vực sâu và vách hiểm, nhưng may thay có những sợi dây vững chắc làm lan can: tám phương tiện tu dưỡng dành cho hành giả, tám nhánh của bánh xe Pháp.

BỐN CHÂN LÝ CAO QUÝ LIÊN KẾT VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO

Khi đọc kỹ bài thuyết pháp về Tứ Diệu Đế, ta ấn tượng trước hình thức đặc sắc của bài giảng, sự nối kết giữa các phần và bước tiến của lập luận: trước hết là trình bày vấn đề, tức khổ đau và nguyên nhân; tiếp đến là giải pháp, tức sự chấm dứt các nguyên nhân ấy; cuối cùng là phương tiện thực hiện giải pháp, tức con đường.

Ngôn ngữ giản dị, sáng rõ, trực tiếp giúp ta hiểu vấn đề được nêu ra một cách dễ dàng và tức thời.

Trước hết, ta chứng kiến cảnh khổ đau bị đặt dưới mọi hình thức: một sự mô tả chân thực về nỗi khốn cùng của con người trong mọi thời đại và mọi xã hội; có lẽ cũng là ký ức day dứt về bốn lần thái tử Gautama ra khỏi hoàng cung. Chân lý thứ nhất tự nó hiển nhiên: khổ đau không thể tách rời sự tồn tại của con người. Sống là khổ.

Tiếp đó, ta theo bậc Toàn Giác trong giai đoạn tìm kiếm nguyên nhân của khổ đau. Muốn chữa một nỗi khổ, phải tìm về nguồn gốc để hiểu toàn bộ cơ chế biểu hiện của nó.

Giai đoạn thứ ba là tháo gỡ cơ chế khổ đau ấy để chấm dứt hoạt động của nó. Con người sẽ cảm nhận và trải nghiệm điều gì vào ngày mọi khổ đau không còn đối với mình? Đó là viễn cảnh hạnh phúc tuyệt đối mà tất cả chúng ta đều đón nhận. Mỗi người đều có thể nhận thấy rằng hạnh phúc ấy là có thật, nằm trong khả năng thực hiện và ai cũng có thể đạt tới; bởi khổ đau và hạnh phúc, khổ đau và niềm vui tạo thành những cặp không thể tách rời: trạng thái thứ nhất chỉ tồn tại trong tương quan với trạng thái thứ hai, và ngược lại.

Điều cốt yếu là biết đẩy lùi khổ đau để tức khắc tìm lại niềm vui tối thượng và thường còn.

Cuối cùng, giai đoạn thứ tư là những phương tiện để đạt hạnh phúc thường còn và vô hạn ấy: sự giải thoát dứt điểm khỏi saṃsāra, vòng xoáy tái sinh.

Bài thuyết pháp về Tứ Diệu Đế có thể ví như một công trình kiến trúc hài hòa và cân đối: trước hết thu hút ánh nhìn, rồi chinh phục người xem bằng sự giản dị và cách bố cục hợp

lý. Chỉ cần nghe là đủ để hiểu trọn ý nghĩa của đời người, vốn gồm những niềm vui nhỏ bé chóng qua và khổ đau vô tận. Khi ta đã hiểu nguyên nhân bất hạnh của mình, Đức Như Lai chỉ cho ta những phương tiện để tự mình thoát khỏi.

Nếu diễn tả Tứ Diệu Đế bằng hình ảnh, ta sẽ có một bức tranh gồm hai phần:

Phần dưới là một biển cả mênh mông đang nổi bão. Vô số thuyền chở người bị sóng quăng quật, lật úp, nhấn chìm; những người sống sót cố thoát khỏi sóng dữ và quái vật biển. Con bão do những luồng xoáy từ bốn phía chân trời gây ra, che tối bầu trời và quét sạch mọi thứ trên đường đi. Những luồng xoáy ấy mang tên: dục lạc, Kāma; tham vọng, Rāga; sân hận, Dveṣa; và vô minh, Avidyā.

Phần trên, cao hơn biển khổ, là một thế giới khác rực sáng và xanh tươi, nơi mọi người có vẻ an nhiên, hạnh phúc, sống trong mùa xuân vĩnh cửu giữa hoa lá và chim muông.

Để lên cao nguyên ấy, những người nam và nữ ở phần dưới của bức tranh leo theo nhiều lối mòn khác nhau. Ven đường có các biển chỉ dẫn ghi tên từng lối đi và nơi đến, chẳng hạn: Bốn phép thiện, Bốn sự tinh tấn, Bốn sự mãn nguyện, Tám con đường chân chính, v.v.

Tùy tuổi tác, sức lực và sự kiên trì, con người đi theo những lối mòn khó dễ khác nhau; nhưng ai cũng có thể dừng ở từng chặng để chuẩn bị tiến đến tầng cao nhất, phần thưởng tối thượng mang tên Niết bàn.

Phần dưới bức tranh có dòng chữ ẩn: thế giới con người, với hai thành phần là biển khổ, Dukkha Sacca, và những luồng xoáy gây khổ đau, Samudaya Sacca.

Phần trên có dòng chữ: vượt ngoài thế giới con người. Cao nguyên xanh tươi tượng trưng cho sự chấm dứt khổ đau, Nirodha Sacca; những con đường dẫn lên đó tượng trưng cho con đường chấm dứt khổ đau, Mārga Sacca.

TÂM QUAN TRỌNG CỦA TỨ DIỆU ĐẾ TRONG GIÁO LÝ PHẬT GIÁO

Như đã nhấn mạnh ở trên, Tứ Diệu Đế là tri thức nền tảng của Phật giáo, cả Theravāda, được gọi là Tiểu thừa, lẫn Mahāyāna, tức Đại thừa.

Đây là những bước đầu tiên trên con đường giáo hóa tuần tự. Nhờ quyết tâm, niềm tin và sự bền bỉ, hành giả dần đạt đến bốn cấp độ tu chứng của Tiểu thừa.

Sau đó, hành giả có thể hướng sang con đường sáu ba la mật của Bồ Tát để đạt giai đoạn cuối cùng của bậc Giác Ngộ hoàn toàn trong Đại thừa.

Như vậy, Tứ Diệu Đế có thể đến với mọi người, bất kể trình độ trí tuệ, môi trường xã hội hay thời đại. Vì lý do này, bốn chân lý ấy đã được dịch ra mọi ngôn ngữ và được công nhận là giáo lý căn bản của Phật giáo tại hầu hết các nước trên thế giới.

HỌC VÀ THỰC HÀNH TỨ DIỆU ĐỂ NHƯ THẾ NÀO

Trước tiên, chúng ta cần hiểu rõ chân lý thứ nhất và nhận ra sự thật của khổ đau dựa trên điều thấy quanh mình và kinh nghiệm bản thân, chứ không phải chỉ vì thầy đã nói. Tiếp đó, chính chúng ta cũng phải phân tích những khổ đau riêng của mình và nhận diện nguyên nhân làm phát sinh từng nỗi khổ.

Khi đã xác định các nguyên nhân ấy, hãy tự hỏi làm sao loại trừ chúng. Qua cùng một quá trình tìm hiểu, ta sẽ đi đến những nhận định như Đức Như Lai: hạnh phúc và sự giải thoát của chúng ta chỉ tùy thuộc vào chính mình. Chân lý thứ ba này là chương quan trọng nhất của toàn bộ giáo lý Phật giáo, vì nó kêu gọi ý chí con người và lòng tự tin. Chỉ riêng điều đó cũng cho thấy Phật giáo không phải học thuyết bi quan, tuyệt vọng, mà là triết lý của hy vọng và niềm vui.

Chân lý thứ tư tự nó trở nên hiển nhiên: một khi nhận ra bản chất thật của thân phận con người, chúng ta sẽ sử dụng những phương tiện mà Đức Như Lai đã chỉ dạy là kỳ diệu và là con đường để tự giải thoát.

Như thế, bậc Toàn Giác đã hoàn thành sứ mạng làm người hướng dẫn muôn đời cho nhân loại.

Phần còn lại là chúng ta dấn bước trên con đường đã được vạch ra, với quyết tâm và niềm tin.